

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ
Trường Thành**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 53

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TTF theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Văn phòng Đại diện tại Số 235/44 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Anh Dũng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Tuyết Hằng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Huyền Nga	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Ông Hà Hoàng Thế Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Bà Phùng Thị Mỹ Lệ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2017 và từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Bà Ngô Phương Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2017 và từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Bà Dương Trịnh Thụy Như	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trung	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02-17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc sửa đổi điều lệ của Công ty theo Tờ trình số 06/TT/ĐHĐCĐ/TTF. Theo đó, kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017, Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý theo Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để trình Hội đồng Quản trị phê duyệt việc bổ nhiệm Ban Kiểm toán Nội bộ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Tuyết Hằng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Dương Trịnh Thụy Như	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Minh	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Thiện Tâm	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	từ ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Tuyết Hằng	cho đến ngày 26 tháng 4 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc của Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Số tham chiếu: 61270704/19357353

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại Thuyết minh số 33 của báo cáo tài chính riêng, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố khoản chênh lệch thiếu hàng tồn kho phát sinh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 10 tháng 4 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Đinh Minh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3203-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.009.925.732.015	2.423.246.552.958
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	52.380.688.977	103.850.722.369
111	1. Tiền		42.271.668.417	103.850.722.369
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.109.020.560	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	89.864.100.172	752.831.791
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		89.864.100.172	752.831.791
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.851.468.476.290	1.107.767.528.545
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	741.500.525.779	769.779.410.870
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	126.303.908.213	75.722.684.363
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	646.080.325.874	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	315.853.087.045	257.688.912.951
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	139.625.992.794	125.228.531.326
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 9	(117.895.363.415)	(120.652.010.965)
140	IV. Hàng tồn kho	11	983.595.694.375	1.152.072.697.206
141	1. Hàng tồn kho		1.054.548.928.890	1.228.659.581.047
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(70.953.234.515)	(76.586.883.841)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		32.616.772.201	58.802.773.047
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	3.519.880.170	3.727.826.238
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	25.765.279.126	52.605.169.094
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	3.331.612.905	2.469.777.715

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại Thuyết minh số 33)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		844.726.929.105	849.608.147.069
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		65.140.964.179	35.401.679.296
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6.2	-	669.883.784
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	64.273.393.553	34.491.840.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	867.570.626	909.839.296
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	6	-	(669.883.784)
220	II. Tài sản cố định		361.553.143.380	377.301.525.553
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	358.544.641.443	373.992.835.313
222	Nguyên giá		544.445.789.466	531.615.599.230
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(185.901.148.023)	(157.622.763.917)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	3.008.501.937	3.308.690.240
228	Nguyên giá		6.115.873.306	6.115.873.306
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.107.371.369)	(2.807.183.066)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		40.435.585.574	47.095.960.884
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	40.435.585.574	47.095.960.884
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		297.991.301.048	301.958.766.483
251	1. Đầu tư vào công ty con	16	228.814.057.443	241.385.487.443
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	16	173.135.473.000	173.135.473.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16	279.784.766	279.784.766
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16	(114.121.014.161)	(112.841.978.726)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	9.883.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		79.605.934.924	87.850.214.853
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	79.605.934.924	87.850.214.853
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.854.652.661.120	3.272.854.700.027

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.021.196.180.133	3.174.411.155.028
310	I. Nợ ngắn hạn		2.519.647.642.633	3.172.451.742.528
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	272.478.741.874	228.789.174.125
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	1.642.762.433.094	179.487.965.150
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	22.099.425.332	26.654.318.712
314	4. Phải trả người lao động		30.184.435.856	36.366.018.753
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	227.170.461.961	103.759.210.503
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	195.000.005
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	47.412.915.598	100.202.119.400
320	8. Vay ngắn hạn	21	275.602.779.209	2.494.963.821.850
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.936.449.709	2.034.114.030
330	II. Nợ dài hạn		501.548.537.500	1.959.412.500
338	1. Vay dài hạn	21	500.000.000.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.548.537.500	1.959.412.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		833.456.480.987	98.443.544.999
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	833.456.480.987	98.443.544.999
411	1. Vốn cổ phần		2.146.078.400.000	1.446.078.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.146.078.400.000	1.446.078.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		63.607.862.467	63.750.862.467
415	3. Cổ phiếu quỹ		(552.965.000)	(552.965.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		16.176.475.297	16.176.475.297
421	5. Lỗ lũy kế		(1.391.853.291.777)	(1.427.009.227.765)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(1.427.009.227.765)	(901.243.957.070)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế) năm nay		35.155.935.988	(525.765.270.695)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.854.652.661.120	3.272.854.700.027


Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập


Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng




Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.303.807.788.028	851.844.174.641
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(276.229.139)	(347.572.905)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.303.531.558.889	851.496.601.736
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(1.061.459.597.495)	(1.054.877.584.423)
20	5. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		242.071.961.394	(203.380.982.687)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	33.148.595.371	51.855.284.023
22	7. Chi phí tài chính	25	(131.906.703.254)	(397.653.157.384)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(127.266.071.877)	(208.857.085.815)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(8.611.664.337)	(18.694.041.356)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(81.923.231.935)	27.754.391.987
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		52.778.957.239	(540.118.505.417)
31	11. Thu nhập khác	28	2.803.684.070	29.599.975.524
32	12. Chi phí khác	28	(20.426.705.321)	(15.246.740.802)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(17.623.021.251)	14.353.234.722
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		35.155.935.988	(525.765.270.695)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	-
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		35.155.935.988	(525.765.270.695)

Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập

Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		35.155.935.988	(525.765.270.695)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	30.086.457.854	11.563.364.339
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(8.192.020.225)	8.731.024.518
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		515.264.691	(12.935.192.844)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(31.320.749.447)	40.746.044.058
06	Chi phí lãi vay	25	127.266.071.877	208.857.085.815
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		153.510.960.738	(268.802.944.809)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(629.159.438.799)	254.330.110.656
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		174.110.652.157	(384.279.026.621)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		403.798.028.766	(241.381.220.909)
12	Giảm chi phí trả trước		9.122.109.781	3.062.313.268
14	Tiền lãi vay đã trả		(50.657.765.715)	(172.372.690.389)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(398.571.758)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(97.664.321)	(556.175.280)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		60.626.882.607	(810.398.205.842)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.659.757.888)	(68.238.203.736)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		355.409.965	1.179.084.119
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(215.683.620.860)	(137.431.280.415)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và thu hồi tiền cho vay		29.601.440.784	189.285.314.260
26	Tiền thu từ nhận sáp nhập các công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.314.287.000	523.132.669
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		4.079.270.803	23.211.507.042
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(184.992.970.196)	8.529.553.939

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		699.857.000.000	5.208.401.000
33	Tiền thu từ đi vay		462.000.000.000	1.596.593.643.940
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.088.930.537.135)	(700.647.352.288)
40	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		72.926.462.865	901.154.692.652
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(51.439.624.724)	99.286.040.749
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		103.850.722.369	4.615.301.999
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(30.408.668)	(50.620.379)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	52.380.688.977	103.850.722.369

Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập

Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TTF theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Văn phòng Đại diện tại Số 235/44 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng, trừ hoạt động trồng rừng có chu kỳ sản xuất, kinh doanh dự kiến từ 8 đến 12 năm.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.327 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.372 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3)
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê, bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 14 năm
Thiết bị quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu hợp đồng thi công lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng cung cấp và lắp đặt đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng cung cấp và lắp đặt trên bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.302.594.325	229.894.870
Tiền gửi ngân hàng (*)	40.969.074.092	103.620.827.499
Các khoản tương đương tiền (**)	10.109.020.560	-
TỔNG CỘNG	<u>52.380.688.977</u>	<u>103.850.722.369</u>

(*) Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là số tiền là 2.076.081.907 VND đang được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh phong tỏa để Công ty hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trình bày tại Thuyết minh số 11.

(**) Khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sử dụng khoản tương đương tiền này để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	89.864.100.172	752.831.791
Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	9.883.000.000	-
TỔNG CỘNG	99.747.100.172	752.831.791

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới một năm và hưởng lãi suất dao động từ 5,4% đến 6,6%/năm. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.

(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên một năm và hưởng lãi suất dao động từ 6,6% đến 6,8%/năm. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	90.997.617.609	141.781.693.575
Phải thu từ các bên khác	650.502.908.170	627.997.717.295
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	84.611.869.162	84.611.869.162
- AFI	64.874.410.500	78.468.721.746
- GME	53.068.668.227	64.412.110.111
- Các khách hàng khác	447.947.960.281	400.505.016.276
TỔNG CỘNG	741.500.525.779	769.779.410.870
Dự phòng các khoản phải thu khách hàng khó đòi	(84.884.359.560)	(91.107.230.947)
GIÁ TRỊ THUẦN	656.616.166.219	678.672.179.923

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty và các cổ đông cá nhân ("Nhóm cổ đông") đã thống nhất thông qua Thỏa thuận Nguyên tắc ("MOU") số 021/2017/TTNT/TTT và số 022/2017/TTNT/TTT. Theo đó, Nhóm cổ đông đồng ý sử dụng 40.321.380 cổ phiếu Công ty được nắm giữ bởi Nhóm cổ đông để đảm bảo khả năng thu hồi các khoản phải thu từ các khách hàng của Công ty với tổng số tiền dự kiến là 290.000.000.000 VND, bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu về cho vay.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Công ty và Nhóm cổ đông đã ký kết Thỏa thuận Thu hồi Công nợ ("Thỏa thuận") số 06/TTTHN/TTT và số 026/TTTHN/TTT với các nội dung và điều khoản tương tự như MOU, và số dư phải thu khách hàng được đảm bảo khả năng thu hồi theo Thỏa thuận là 290.222.090.552 VND, với thời hạn thu hồi và thời gian thanh toán cho Công ty cam kết bởi Nhóm cổ đông đối với toàn bộ khoản phải thu đã nêu là Quý 4 năm 2019.

Dựa trên các sự kiện đã đề cập, vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng khả năng thu hồi các khoản phải thu với số tiền 290.222.090.552 VND như nêu trên là đảm bảo. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	12.839.021.316	-
Trả trước cho các bên khác	113.464.886.897	75.722.684.363
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Phương Mai	24.874.230.764	24.874.230.764
- Công ty TNHH MTV Thương mại Giấy Hưng Thịnh	12.285.318.830	12.285.318.830
- Các nhà cung cấp khác	76.305.337.303	38.563.134.769
	<u>126.303.908.213</u>	<u>75.722.684.363</u>
Dài hạn		
Trả trước cho các bên khác	-	669.883.784
TỔNG CỘNG	<u>126.303.908.213</u>	<u>76.392.568.147</u>
Dự phòng các khoản trả trước khó đòi	(29.240.072.309)	(27.872.437.202)
<i>Trong đó:</i>		
- Ngắn hạn	(29.240.072.309)	(27.202.553.418)
- Dài hạn	-	(669.883.784)

6.3 Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng khó đòi, các khoản trả trước khó đòi, các khoản phải thu về cho vay khó đòi và các khoản phải thu khác khó đòi. Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(121.321.894.749)	(233.956.079.434)
Tăng do nhận sáp nhập	-	(12.451.876.358)
Dự phòng trích lập trong năm	(2.761.917.100)	(225.136.029.509)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	6.188.448.434	350.222.090.552
Số cuối năm	<u>(117.895.363.415)</u>	<u>(121.321.894.749)</u>

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes	103.679.817.985	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	101.193.489.482	-
Công ty Cổ phần Vinpearl	87.417.975.947	-
Các công ty khác	353.789.042.460	-
TỔNG CỘNG	<u>646.080.325.874</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu về cho các bên liên quan vay (*) (Thuyết minh số 31)	212.694.946.975	240.690.756.028
Phải thu về cho các bên khác vay	103.158.140.070	16.998.156.923
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DLC (**)	89.014.622.140	-
- Các bên khác	14.143.517.930	16.998.156.923
	<u>315.853.087.045</u>	<u>257.688.912.951</u>
Dài hạn		
Phải thu về cho bên liên quan vay (*) (Thuyết minh số 31)	64.273.393.553	34.491.840.000
TỔNG CỘNG	<u>380.126.480.598</u>	<u>292.180.752.951</u>

(*) Đây là khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với lãi suất dao động từ 6,5% đến 12%/năm.

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã ký kết hợp đồng cho vay số 28.6/2017/HĐ/TTF-DLC ("Hợp đồng Cho vay") với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DLC ("DLC") và theo các Giấy nhận nợ số 01/2017/GNN/TTF-DLC và số 02/2017/GNN/TTF-DLC vào cùng ngày, Công ty đã cho DLC vay với số tiền lần lượt là 2.416.713 USD và 33.961.900.000 VND để hỗ trợ DLC thanh toán các khoản vay quá hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Bình Dương.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty nhận được Cam kết bảo lãnh ("Cam kết") từ một số cổ đông cá nhân. Theo Cam kết, 12.178.620 cổ phiếu Công ty sở hữu bởi các cổ đông cá nhân này đã được sử dụng để đảm bảo cho số tiền mà Công ty đã cho DLC vay trong trường hợp DLC không thực hiện thanh toán đúng thời hạn theo Hợp đồng Cho vay.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	113.235.459.585	108.915.877.846
Cho vay không lãi suất	3.364.964.561	2.774.722.186
Tạm ứng cho nhân viên	13.595.432.112	3.426.768.960
Khác	9.430.136.536	10.111.162.334
	<u>139.625.992.794</u>	<u>125.228.531.326</u>
Dài hạn		
Khác	867.570.626	909.839.296
TỔNG CỘNG	<u>140.493.563.420</u>	<u>126.138.370.622</u>
Dự phòng các khoản phải thu khác khó đòi	(3.770.931.546)	(2.342.226.600)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>136.722.631.874</u>	<u>123.796.144.022</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. NỢ XẤU

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ước tính	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ước tính
<i>Quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	177.113.329	123.979.330	515.011.418	360.507.993
<i>Quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	3.644.935.734	1.822.467.867	266.827.996	133.413.998
<i>Quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	202.820.176	60.846.053	155.000.000	46.500.000
<i>Quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên</i>	2.976.927.310	-	2.904.616.797	-
<i>Khả năng thu hồi thấp</i>	112.900.860.116	-	118.020.860.529	-
- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Hoàng Nam	41.280.265.197	-	40.256.670.026	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lâm nghiệp Minh Hoàng	18.032.239.034	-	17.585.107.391	-
- Khác	53.588.355.885	-	60.179.083.112	-
TỔNG CỘNG	119.902.656.665	2.007.293.250	121.862.316.740	540.421.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	12.680.838.957	-
Nguyên vật liệu	643.325.315.028	(46.232.735.937)	656.409.652.497	(46.232.735.938)
Vật liệu phụ	15.325.355.029	(516.476.264)	21.247.232.648	(516.476.264)
Công cụ, dụng cụ	1.976.348.938	-	1.291.320.832	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	247.004.103.322	(18.083.357.794)	392.152.800.196	(23.717.007.119)
<i>Chi phí dở dang hàng sản xuất</i>	78.073.357.674	(1.730.539.353)	119.175.881.055	(1.730.539.353)
<i>Chi phí dở dang công trình lắp đặt</i>	74.435.701.010	(4.852.818.441)	182.343.520.021	(10.486.467.766)
<i>Chi phí trồng rừng Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk</i>	60.995.044.638	-	57.133.399.120	-
<i>Bất động sản (*)</i>	33.500.000.000	(11.500.000.000)	33.500.000.000	(11.500.000.000)
Thành phẩm	110.817.961.838	(4.730.277.756)	121.704.809.009	(4.730.277.756)
Hàng hóa	36.099.844.735	(1.390.386.764)	16.670.460.395	(1.390.386.764)
Hàng gửi đi bán	-	-	6.502.466.513	-
TỔNG CỘNG	1.054.548.928.890	(70.953.234.515)	1.228.659.581.047	(76.586.883.841)

Một phần giá trị hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 21*).

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 7 tháng 1 năm 2008, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các Thửa đất số 77, 78A, 79A và 80A có tổng diện tích là 10.320 m² tọa lạc tại Ấp Đông Chiêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương từ Ông Phạm Hoài Nam với tổng giá trị là 33.500.000.000 VND. Sau đó, Công ty ký kết thỏa thuận chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2014/TTBT-TTF với Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á ("Địa ốc Đại Á") ngày 19 tháng 7 năm 2014, Công ty nhận tiền bồi thường liên quan đến các thửa đất này với giá trị là 22.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng từ Ông Phạm Hoài Nam và chuyển nhượng lại cho Địa ốc Đại Á vẫn chưa được Công ty hoàn thành.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(76.586.883.841)	(48.376.720.341)
Tăng do nhận sáp nhập	-	(5.221.519.046)
Dự phòng trích lập trong năm	(4.852.818.440)	(22.988.644.454)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	10.486.467.766	-
Số cuối năm	(70.953.234.515)	(76.586.883.841)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	279.757.352.294	220.120.277.649	18.551.655.464	13.186.313.823	531.615.599.230
Mua trong năm	66.048.000	5.085.568.860	1.181.010.909	69.502.000	6.402.129.769
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.461.475.558	1.502.607.589	-	-	7.964.083.147
Thanh lý	-	-	(1.536.022.680)	-	(1.536.022.680)
Số cuối năm	<u>286.284.875.852</u>	<u>226.708.454.098</u>	<u>18.196.643.693</u>	<u>13.255.815.823</u>	<u>544.445.789.466</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.265.093.724	12.066.212.190	3.913.086.166	1.564.936.231	18.809.328.311
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(54.910.334.698)	(88.731.956.326)	(11.876.447.661)	(2.104.025.232)	(157.622.763.917)
Khấu hao trong năm	(12.571.167.447)	(14.097.177.313)	(1.642.569.607)	(1.475.355.184)	(29.786.269.551)
Thanh lý	-	-	1.507.885.445	-	1.507.885.445
Số cuối năm	<u>(67.481.502.145)</u>	<u>(102.829.133.639)</u>	<u>(12.011.131.823)</u>	<u>(3.579.380.416)</u>	<u>(185.901.148.023)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>224.847.017.596</u>	<u>131.388.321.323</u>	<u>6.675.207.803</u>	<u>11.082.288.591</u>	<u>373.992.835.313</u>
Số cuối năm	<u>218.803.373.707</u>	<u>123.879.320.459</u>	<u>6.185.511.870</u>	<u>9.676.435.407</u>	<u>358.544.641.443</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	5.958.614.295	157.259.011	6.115.873.306
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	316.987.227	157.259.011	474.246.238
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(2.649.924.055)	(157.259.011)	(2.807.183.066)
Hao mòn trong năm	(300.188.303)	-	(300.188.303)
Số cuối năm	(2.950.112.358)	(157.259.011)	(3.107.371.369)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	3.308.690.240	-	3.308.690.240
Số cuối năm	3.008.501.937	-	3.008.501.937

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Mua sắm máy móc, thiết bị	30.177.194.078	30.105.857.243
Xây dựng nhà kho, trưng bày	10.258.391.496	16.990.103.641
TỔNG CỘNG	40.435.585.574	47.095.960.884

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.011.428.803	1.370.811.500
Chi phí bảo hiểm	89.773.000	2.040.301.077
Khác	418.678.367	316.713.661
	3.519.880.170	3.727.826.238
Dài hạn		
Chi phí thuê đất (*)	69.634.310.348	71.657.928.210
Công cụ, dụng cụ	7.366.553.248	15.570.613.064
Khác	2.605.071.328	621.673.579
	79.605.934.924	87.850.214.853
TỔNG CỘNG	83.125.815.094	91.578.041.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(*) Chi tiết bao gồm:

- Ngày 2 tháng 8 năm 2010, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 1868/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương ("UBND") và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 905 có diện tích 4.417 m² tọa lạc tại Xã Bình Chuẩn, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 2.477.053.600 VND và có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") ngày 9 tháng 11 năm 2009. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 1.970.996.961 VND.
- Ngày 27 tháng 1 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 001/HĐTĐ-CCN với Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương ("GENIMEX") và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 183 có diện tích 25.821,8 m² tọa lạc tại Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Uyên Hưng, Tỉnh Bình Dương trong 50 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 20.773.881.332 VND và có được GCNQSDĐ số BI 674485 ngày 22 tháng 6 năm 2012. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 16.666.891.197 VND.
- Ngày 8 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 004/HĐTĐ-CCN với GENIMEX và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 214 có diện tích 27.457,7 m² tọa lạc tại Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Uyên Hưng, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 24.258.621.295 VND và có được GCNQSDĐ số CB 049399 ngày 17 tháng 12 năm 2015. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 20.888.131.701 VND.
- Ngày 5 tháng 6 năm 2007, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền quyền sử dụng đất thuê với Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ để thuê lại thửa đất số 165 có diện tích 120.478,5 m² tọa lạc tại Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Uyên Hưng, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 35.541.157.500 VND và có được GCNQSDĐ số AB 722240 vào ngày 17 tháng 12 năm 2015. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 30.108.290.489 VND.

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 16.1)	228.814.057.443	241.385.487.443
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 16.2)	173.135.473.000	173.135.473.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	279.784.766	279.784.766
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 16.1 và 16.2)	<u>(114.121.014.161)</u>	<u>(112.841.978.726)</u>
TỔNG CỘNG	<u>288.108.301.048</u>	<u>301.958.766.483</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Số cuối năm				Số đầu năm				Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND		
Công ty Cổ phần Trường Thành	70,00	21.000.000.000	(21.000.000.000)	-	70,00	21.000.000.000	(21.000.000.000)	-	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	70,00	19.600.000.000	(19.600.000.000)	-	70,00	19.600.000.000	(10.693.123.512)	8.906.876.488	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	99,99	53.347.393.305	(19.738.722.331)	33.608.670.974	99,99	53.347.393.305	(20.959.129.746)	32.388.263.559	Phú Yên	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	99,97	59.564.847.684	(12.550.797.845)	47.014.049.839	99,97	59.564.847.684	(20.476.637.367)	39.088.210.317	Đắk Lắk	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	99,44	1.777.000.000	(1.777.000.000)	-	99,44	1.777.000.000	(1.777.000.000)	-	Đắk Nông	Trồng rừng
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	97,50	12.480.000.000	(6.459.525.163)	6.020.474.837	97,50	12.480.000.000	(6.613.949.342)	5.866.050.658	TP. HCM	Thương mại
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	90,25	9.885.456.454	(9.885.456.454)	-	90,25	9.885.456.454	(8.526.724.278)	1.358.732.176	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	94,75	18.950.000.000	-	18.950.000.000	94,75	18.950.000.000	-	18.950.000.000	Đắk Nông	Thương mại
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành (**)	-	-	-	-	68,52	12.571.430.000	-	12.571.430.000	Phú Yên	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	79,89	26.809.360.000	(7.620.169.310)	19.189.190.690	79,89	26.809.360.000	(8.792.409.076)	18.016.950.924	Đắk Lắk	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	97,30	5.400.000.000	(4.802.125.805)	597.874.195	97,30	5.400.000.000	(1.889.161.486)	3.510.838.514	Đắk Lắk	Khu Công nghiệp
Công ty Cổ phần Lâm sản Trường Thành (*)	98,00	-	-	-	98,00	-	-	-	Đắk Lắk	Trồng rừng
TỔNG CỘNG		228.814.057.443	(103.433.796.908)	125.380.260.535		241.385.487.443	(100.728.134.807)	140.657.352.636		

(*) Công ty Cổ phần Lâm sản Trường Thành là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6001547283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp vào ngày 18 tháng 7 năm 2016. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(**) Vào ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.257.143 cổ phần, tương đương 68,52% trong Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành cho Ông Nguyễn Hữu Bang theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 09/2017/TTF-TTI cùng ngày.

16.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Số cuối năm				Số đầu năm				Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại		
	(%)	VND			(%)	VND	VND	VND		
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	51,00	94.930.473.000	(4.861.353.882)	90.069.119.118	51,00	94.930.473.000	(7.147.426.991)	87.783.046.009	Phú Yên	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	26,74	52.680.000.000	(2.437.794.770)	50.242.205.230	26,74	52.680.000.000	(2.051.774.306)	50.628.225.694	Đồng Nai	Bất động sản
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	26,59	23.525.000.000	(1.930.276.559)	21.594.723.441	25,72	23.525.000.000	(1.574.105.098)	21.950.894.902	Đắk Nông	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	43,76	2.000.000.000	(1.457.792.042)	542.207.958	43,76	2.000.000.000	(1.340.537.524)	659.462.476	TP. HCM	Bao bì
TỔNG CỘNG		173.135.473.000	(10.687.217.253)	162.448.255.747		173.135.473.000	(12.113.843.919)	161.021.629.081		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	36.010.179.756	72.095.153.415
Phải trả cho các bên khác	236.468.562.118	156.694.020.710
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC	31.799.689.004	31.799.689.004
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nông Lâm Nghiệp Trường Sơn	22.221.978.583	22.221.978.583
- Công Ty TNHH TM & DV Lâm Nghiệp Minh Hoàng	23.267.343.000	23.267.343.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	159.179.551.531	79.405.010.123
TỔNG CỘNG	272.478.741.874	228.789.174.125

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát ("Tân Liên Phát") (*)	1.105.826.606.735	24.835.249.883
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần ("Vingroup") (*)	108.190.335.365	1.308.806.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	85.091.198.255	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes	55.898.893.740	21.299.901.362
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	42.142.030.928	53.218.389.207
Các khách hàng khác	245.613.368.071	78.825.618.298
TỔNG CỘNG	1.642.762.433.094	179.487.965.150

(*) Theo Thỏa thuận Nguyên tắc ngày 15 tháng 5 năm 2017, Vingroup chỉ định Công ty là nhà cung cấp chiến lược các sản phẩm gỗ thành phẩm phục vụ cho các dự án của Vingroup và các công ty con với tổng giá trị dự kiến lên đến 16.000.000.000.000 VND. Theo đó, cũng vào ngày này, Vingroup và Tân Liên Phát, công ty con của Vingroup, đã ký thỏa thuận đặt cọc với số tiền lần lượt là 70.419.180.876 VND và 1.059.894.177.874 VND.

Bao gồm trong khoản đặt cọc là số tiền 1.092.336.527.786 VND mà Công ty sẽ phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm thời hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương. Số tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh sẽ được trừ tương ứng 10% giá trị nghiệm thu theo các hợp đồng thi công lắp đặt giữa Công ty, Vingroup và Tân Liên Phát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	52.605.169.094	65.693.308.615	(92.533.198.583)	25.765.279.126
Thuế nhập khẩu	2.469.777.715	895.588.475	(33.753.285)	3.331.612.905
TỔNG CỘNG	55.074.946.809	66.588.897.090	(92.566.951.868)	29.096.892.031
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	13.567.180.309	92.542.563.518	(97.093.650.975)	9.016.092.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.326.411.344	-	-	8.326.411.344
Thuế thu nhập cá nhân	4.068.784.536	4.676.664.913	(4.680.470.836)	4.064.978.613
Khác	691.942.523	-	-	691.942.523
TỔNG CỘNG	26.654.318.712	97.219.228.431	(101.774.121.811)	22.099.425.332

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay và lãi đặt cọc	154.140.981.577	91.278.805.245
Chi phí xây dựng	59.331.511.273	-
Chi phí lương, thưởng	9.894.496.000	-
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	12.777.777	8.977.297.601
Khác	3.790.695.334	3.503.107.657
TỔNG CỘNG	227.170.461.961	103.759.210.503

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi chậm nộp	27.679.324.191	36.106.155.112
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	11.979.764.100	21.345.502.774
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	1.389.634.422	26.343.175.500
Kinh phí công đoàn	874.556.183	1.040.637.383
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.009.644.380	1.283.755.804
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.479.992.322	14.082.892.827
TỔNG CỘNG	47.412.915.598	100.202.119.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	VND Số cuối năm
Ngắn hạn						
Vay các tổ chức khác	1.367.725.527.786	50.000.000.000	(325.389.000.000)	(1.092.336.527.786)	-	-
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	791.238.294.064	-	(517.541.537.135)	-	(93.977.720)	273.602.779.209
Vay cá nhân	300.000.000.000	410.000.000.000	(210.000.000.000)	(500.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	-	-	-
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21.3)	-	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000
	<u>2.494.963.821.850</u>	<u>462.000.000.000</u>	<u>(1.088.930.537.135)</u>	<u>(1.592.336.527.786)</u>	<u>(93.977.720)</u>	<u>275.602.779.209</u>
Dài hạn						
Vay cá nhân (Thuyết minh số 21.2)	-	-	-	500.000.000.000	-	500.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.494.963.821.850</u>	<u>462.000.000.000</u>	<u>(1.088.930.537.135)</u>	<u>(1.092.336.527.786)</u>	<u>(93.977.720)</u>	<u>775.602.779.209</u>

21.1 Vay ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, Chi nhánh Bình Dương				
Hợp đồng số 210-45/15/VAB/HĐNHĐN ngày 20 tháng 5 năm 2015	149.310.079.209	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2016 đến ngày 17 tháng 11 năm 2016	11	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng số 0303/2015 TTJSC-HNAM, 0203/2015 TTJSC-VUTHANH, và 0103/2015 TTJSC-DLC và 0403/2015 TTJSC-HNAM

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á, Chi nhánh Bình Dương				
Hợp đồng số H0367/1N ngày 25 tháng 6 năm 2015	124.292.700.000	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 9 năm 2016	8,5	12.859 m ³ gỗ nguyên liệu các loại và thành phẩm của Công ty
TỔNG CỘNG	<u>273.602.779.209</u>			

21.2 Vay cá nhân

Công ty sử dụng khoản vay từ cá nhân nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ông Bùi Hồng Minh				
Hợp đồng số 01/2016/HĐV/TTT- BHM ngày 22 tháng 12 năm 2016 và các phụ lục điều chỉnh sau đó	<u>500.000.000.000</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2017: 6,5)	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay bên liên quan

Đây là khoản vay Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh, công ty con, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 12 tháng 9 năm 2017 và chịu lãi suất 5%/năm (Thuyết minh số 31).

21.4 Các khoản vay quá hạn chưa thanh toán

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	149.310.079.209	47.959.317.948	430.282.496.886	48.159.353.066
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	124.292.700.000	23.631.835.117	124.292.700.000	7.520.393.880
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	-	-	59.980.000.000	4.059.888.871
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	-	-	56.846.909.438	28.864.769.198
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	-	-	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	-	-	-	664.574.237
TỔNG CỘNG	273.602.779.209	71.591.153.065	671.402.106.324	91.268.979.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi vay	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Năm trước:							
Số đầu năm							
Số liệu đã trình bày trước đây	1.400.939.400.000	51.798.842.848	6.743.618.619	(4.640.000)	16.176.475.297	(151.422.996.026)	1.324.230.700.738
Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố							
- <i>Thuyết minh số 33</i>	-	-	-	-	-	(749.820.961.044)	(749.820.961.044)
Đã điều chỉnh lại	1.400.939.400.000	51.798.842.848	6.743.618.619	(4.640.000)	16.176.475.297	(901.243.957.070)	574.409.739.694
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(525.765.270.695)	(525.765.270.695)
Phát hành cổ phiếu	45.139.000.000	-	-	-	-	-	45.139.000.000
Tăng do nhận sáp nhập	-	-	-	(548.325.000)	-	-	(548.325.000)
Tăng vay chuyển đổi	-	-	5.208.401.000	-	-	-	5.208.401.000
Vay chuyển đổi đến hạn nhưng không được chuyển đổi	-	11.952.019.619	(11.952.019.619)	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.446.078.400.000</u>	<u>63.750.862.467</u>	<u>-</u>	<u>(552.965.000)</u>	<u>16.176.475.297</u>	<u>(1.427.009.227.765)</u>	<u>98.443.544.999</u>
Năm nay:							
Số đầu năm	1.446.078.400.000	63.750.862.467	-	(552.965.000)	16.176.475.297	(1.427.009.227.765)	98.443.544.999
Phát hành cổ phiếu (*)	700.000.000.000	(143.000.000)	-	-	-	-	699.857.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	35.155.935.988	35.155.935.988
Số cuối năm	<u>2.146.078.400.000</u>	<u>63.607.862.467</u>	<u>-</u>	<u>(552.965.000)</u>	<u>16.176.475.297</u>	<u>(1.391.853.291.777)</u>	<u>833.456.480.987</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2017 số 02-17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") của Công ty đã phê duyệt phương án phát hành riêng lẻ 100.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư với mức giá dự kiến tối thiểu là 10.000 VND/cổ phiếu, và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("NQHĐQT") số 16/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2017 và số 18/2017/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ này, cũng như danh sách các nhà đầu tư chiến lược và số lượng cổ phần dự kiến. Vào ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty nhận được Công văn số 6450/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), chấp thuận việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã đề cập như trên cho các nhà đầu tư. Theo đó, NQHĐQT số 27/2017/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 12 năm 2017 và số 28/2017/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã thông qua lộ trình phát hành 100.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư, và dự kiến sẽ được thực hiện từ ngày 14 tháng 12 năm 2017 đến ngày 21 tháng 12 năm 2017. Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành 70.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư, với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Đồng thời, Hội đồng Quản trị cũng đã thông qua kết quả phát hành 70.000.000 cổ phiếu này và hủy bỏ 30.000.000 cổ phiếu còn lại chưa được phát hành theo NQHĐQT số 29/2017/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2017. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty nhận được Công văn số 8619/UBCK-QLCB của UBCKNN, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty đã được tăng từ 1.446.078.400.000 VND lên 2.146.078.400.000 VND. Vào ngày 18 tháng 1 năm 2018, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 20 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương phản ánh việc tăng vốn điều lệ này. Công ty đã sử dụng số tiền từ đợt phát hành này để thanh toán các khoản vay ngân hàng và bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

22.2 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	214.607.840	144.607.840
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(15.815)	(15.815)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	214.592.025	144.592.025

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016: 10.000 VND). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	1.446.078.400.000	1.400.939.400.000
Phát hành cổ phiếu	700.000.000.000	45.139.000.000
Số cuối năm	<u>2.146.078.400.000</u>	<u>1.446.078.400.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng thi công, lắp đặt	1.071.593.261.272	210.815.236.865
Doanh thu bán nguyên liệu, thành phẩm và hàng hóa	231.351.394.744	639.669.944.924
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	586.902.873	1.011.419.947
TỔNG CỘNG	<u>1.303.531.558.889</u>	<u>851.496.601.736</u>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	29.971.184.149	30.199.503.692
Lãi tiền gửi	2.279.435.570	2.911.388.990
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	897.975.652	15.089.170.372
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	3.655.220.969
TỔNG CỘNG	<u>33.148.595.371</u>	<u>51.855.284.023</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
Giá vốn hợp đồng thi công, lắp đặt	851.333.511.830	174.976.646.598
Giá vốn nguyên liệu, thành phẩm và hàng hóa	215.759.734.991	671.047.210.112
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	181.216.200.518
Giá vốn dịch vụ cung cấp (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.633.649.326)	4.648.882.741
TỔNG CỘNG	<u>1.061.459.597.495</u>	<u>1.054.877.584.423</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	127.266.071.877	208.857.085.815
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	1.279.035.435	110.878.616.107
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.176.402.115	550.923.656
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	1.257.143.000	-
Lỗ do nhận sáp nhập	-	75.548.547.077
Chi phí khác	928.050.827	1.817.984.729
TỔNG CỘNG	<u>131.906.703.254</u>	<u>397.653.157.384</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.673.594.750	6.891.803.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.281.627.051	9.689.226.388
Chi phí công cụ, dụng cụ	800.132.385	145.124.614
Chi phí khấu hao và hao mòn	38.332.871	50.764.428
Chi phí khác	817.977.280	1.917.122.926
TỔNG CỘNG	<u>8.611.664.337</u>	<u>18.694.041.356</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	58.331.973.399	62.306.329.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.419.815.275	19.983.050.431
Công cụ, dụng cụ	6.688.286.329	5.498.181.701
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.017.908.482	824.034.824
Hoàn nhập dự phòng	(3.426.531.334)	(124.056.276.934)
Chi phí khác	4.891.779.784	7.690.288.855
TỔNG CỘNG	<u>81.923.231.935</u>	<u>(27.754.391.987)</u>

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Phạt vi phạm hợp đồng	-	2.094.637.300
Thanh lý tài sản	327.272.728	690.722.074
Thu nhập khác	2.476.411.342	26.814.616.150
	<u>2.803.684.070</u>	<u>29.599.975.524</u>
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	(14.105.103.306)	(8.904.526.525)
Xóa sổ tài sản cố định	(2.433.440.266)	(2.654.332.706)
Phạt vi phạm hợp đồng	-	(3.263.852.761)
Chi phí khác	(3.888.161.749)	(424.028.810)
	<u>(20.426.705.321)</u>	<u>(15.246.740.802)</u>
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	<u>(17.623.021.251)</u>	<u>14.353.234.722</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
Chi phí nguyên vật liệu	615.080.374.080	982.484.292.550
Chi phí nhân viên	244.278.241.971	112.934.749.657
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	30.086.457.854	11.563.364.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.935.614.351	29.672.276.819
Hoàn nhập dự phòng	(9.060.180.660)	(101.067.632.480)
Chi phí khác	5.841.292.564	10.230.182.907
TỔNG CỘNG	974.161.800.160	1.045.817.233.792

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 33)
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	35.155.935.988	(525.765.270.695)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	7.031.187.198	(105.153.054.139)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay	17.047.954.897	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	36.243.240.104
Lỗ do sáp nhập	-	15.109.709.415
Các khoản phạt	-	2.433.675.857
Chi phí không được trừ	3.602.705.477	530.866.541
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.126.729.865)	14.273.072.959
Thay đổi chi phí phải trả	3.058.697.635	7.384.992.870
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(685.306.267)	(13.209.149.256)
Dự phòng đầu tư tài chính	255.807.087	5.015.014.824
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(82.175.000)	289.562.500
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.436.609.870	(2.675.438.546)
Lỗ năm trước chuyển sang	(34.538.751.032)	-
Lỗ chuyển sang năm sau không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	-	39.757.506.871
Chi phí thuế TNDN	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do Công ty không ước tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

Các chênh lệch tạm thời

	<i>VND</i> <i>Số tiền</i>
Dự phòng phải thu khó đòi	105.443.487.057
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	114.121.014.161
Chi phí phải trả	75.277.491.961
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	65.731.715.469
Trợ cấp thời việc phải trả	1.548.537.500
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.738.939.390
TỔNG CỘNG	363.861.185.538

Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 26.093.779.195 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		<i>VND</i>			
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2017</i>
2016	2021	(198.787.534.355)	172.693.755.160	-	(26.093.779.195)

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần đảm bảo và dự kiến sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sam Holdings	Cổ đông lớn	Nhận ứng trước	50.000.000.000	-
		Hoàn lại tiền ứng	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu	14.718.944.704	200.187.798.786
		Lãi cho vay	8.782.751.886	7.153.261.444
		Bán nguyên liệu	5.384.242.906	83.387.858.695
		Cung cấp dịch vụ	119.700.645	103.048.622
		Cho vay	-	38.000.000.000
		Mua hàng hóa	-	9.661.084.360
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu, hàng hoá	54.860.112.050	202.650.202.810
		Cho vay	19.000.000.000	28.600.000.000
		Bán nguyên liệu	9.321.585.231	13.655.997.742
		Lãi cho vay	7.766.611.664	6.808.582.445
		Trả hộ	-	100.864.818
		Nhận cung cấp dịch vụ	-	72.000.000
		Cung cấp dịch vụ	-	26.583.200
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	3.957.441.340	9.153.340.673
		Cho vay	120.000.000	21.040.610.598
		Chi phí trồng rừng	114.500.000	-
		Mua nguyên liệu	-	332.268.000
		Bán tài sản cố định	-	227.272.727

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Vay	2.000.000.000	-
		Chi phí trồng rừng	144.660.000	344.190.000
		Lãi vay phải trả	46.944.443	-
		Mua nguyên liệu	-	1.799.091.000
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Mua nguyên liệu	2.304.764.211	14.879.723.888
		Lãi cho vay	775.016.664	732.173.332
		Cho vay	-	1.670.000.000
		Bán hàng hóa	-	260.404.532
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành	Công ty con (cho đến ngày 3 tháng 10 năm 2017)	Mua nguyên liệu, hàng hóa	17.530.284.717	35.613.494.577
		Bán hàng hóa	3.285.158.488	5.827.119.246
		Cung cấp dịch vụ	-	34.685.720
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đắc Nông	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng	4.795.652.500	-
		Lãi cho vay	3.449.646.217	1.497.226.009
		Mua nguyên liệu	-	80.584.072.408
		Bán nguyên liệu	-	33.349.398.675
		Cho vay	-	21.020.962.625
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu	-	1.796.550.209
		Ứng trước mua hàng hóa	-	1.176.308.624
		Cho vay	-	637.444.600
		Lãi cho vay	-	349.571.448
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành – Phước An	Công ty con	Lãi cho vay	1.390.742.166	1.394.552.419

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Lãi cho vay	608.333.336	610.000.002
		Mua nguyên liệu	-	155.500.000
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty con	Trả hộ	-	483.878.028
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	179.048.173	5.557.444.809
		Bán hàng hóa	-	523.518.816
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Cho vay	5.726.832.500	4.755.427.765
		Lãi cho vay	925.129.590	76.970.062
		Trả hộ	-	114.512.000
		Mua nguyên liệu	-	492.074.000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	3.060.000.000	4.186.711.072
		Lãi cho vay	2.315.511.286	1.870.791.331
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	Trả lãi	664.574.237	-
		Cho vay	100.000.000	-
		Trả nợ gốc	-	32.455.205.020
Công ty TNHH Địa ốc Hưng Lợi	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.379.203.851	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	56.826.118.852	59.611.498.043
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Bán hàng	16.560.023.727	42.557.345.879
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Bán hàng	11.212.710.509	10.635.098.909
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	4.571.753.413	7.182.329.517
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành - Phước An	Công ty con	Bán hàng	1.592.246.302	1.592.246.302
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Bán hàng	195.806.154	195.806.154
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Bán hàng	38.958.652	38.958.652
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	1.500.043.560
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	18.468.366.559
			90.997.617.609	141.781.693.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	11.836.519.368	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đăk Nông	Công ty con	Mua hàng	960.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrăk	Công ty con	Mua hàng	42.501.948	-
			12.839.021.316	-
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Cho vay	86.929.000.000	67.929.000.000
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Cho vay	82.562.001.815	82.562.001.815
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Cho vay	10.482.260.265	4.755.427.765
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho vay	10.214.312.395	36.214.312.395
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành – Phước An	Công ty con	Cho vay	9.506.757.500	9.506.757.500
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrăk	Công ty con	Cho vay	6.370.000.000	6.370.000.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	1.530.615.000	-
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	Cho vay	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đăk Nông	Công ty con	Cho vay	-	28.353.256.553
			212.694.946.975	240.690.756.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>				
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	35.800.137.000	34.491.840.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Cho vay	28.353.256.553	-
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho vay	120.000.000	-
			64.273.393.553	34.491.840.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	54.577.456.810 16.921.824.443	54.599.296.810 9.155.212.779
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn	18.540.646.105 104.273.100	9.757.894.219 23.978.191.747
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	4.147.218.971 113.546.200	189.777.631 -
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành – Phước An	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	4.747.696.325 51.955.100	3.356.954.159 -
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn	1.798.906.664 452.955.100	1.023.890.000 400.000.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	1.223.333.338 51.955.100	615.000.002 -
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn	4.946.872.226 3.788.975.915	1.497.226.009 3.716.202.815
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Lãi cho vay Chi hộ	286.968.836 52.500.000	549.261.613 -

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i> (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.002.099.652	76.970.062
		Chi hộ	41.955.100	-
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con	Chi hộ	83.273.100	-
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Chi hộ	103.546.200	-
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Chi hộ	51.955.100	-
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Đắc Nông	Công ty con	Chi hộ	62.273.100	-
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty con	Chi hộ	62.273.100	-
Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea Hleo	Công ty con	Cho mượn	21.000.000	-
			113.235.459.585	108.915.877.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua hàng	22.281.570.117	22.136.910.117
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Mua hàng	6.347.368.342	7.538.515.055
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	4.796.256.750	4.797.491.750
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua hàng	1.830.935.076	2.156.982.086
Công ty TNHH Địa ốc Hưng Lợi	Bên liên quan	Mua dịch vụ	585.390.296	-
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	149.571.000	-
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Mua hàng	19.088.175	-
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	-	2.090.306.828
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	-	2.731.302.077
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đắc Nông	Công ty con	Mua hàng	-	29.851.292.094
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng, dịch vụ	-	792.353.408
			36.010.179.756	72.095.153.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Lãi vay	12.777.777	-
Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Lãi vay	-	5.731.927.056
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Lãi vay	-	2.580.796.308
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	Lãi vay	-	664.574.237
			12.777.777	8.977.297.601
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mượn	1.338.493.106	1.338.493.106
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Công ty con	Mượn	51.141.316	51.141.316
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mượn	-	24.953.541.078
			1.389.634.422	26.343.175.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	24.835.249.883
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	1.308.806.400
			-	26.144.056.283
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Vay	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Vay	-	1.032.336.527.786
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Vay	-	335.389.000.000
			2.000.000.000	1.367.725.527.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao	<u>8.447.943.511</u>	<u>504.000.000</u>

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản chi phí thuê văn phòng tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	415.324.800	1.118.335.500
Trên 1 – 5 năm	<u>1.090.227.600</u>	<u>1.916.772.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.505.552.400</u>	<u>3.035.107.500</u>

33. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU CỦA NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố khoản chênh lệch thiếu hàng tồn kho phát sinh của năm 2016. Chi tiết như sau:

Năm 2016, Ban Giám đốc đã ghi nhận khoản chênh lệch thiếu hàng tồn kho với số tiền là 931.037.161.562 VND vào tài khoản "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 ("năm tài chính 2016") khi thực hiện kiểm kê toàn bộ hàng tồn kho trong tháng 6 năm 2016. Việc hạch toán này phù hợp với hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam vì tại thời điểm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính 2016, Ban Giám đốc không thể xác định được thời điểm phát sinh khoản chênh lệch thiếu này đến từng năm tài chính. Tuy nhiên, trong năm tài chính 2017, Ban Giám đốc đã thu thập được các chứng từ và số liệu có liên quan, và ước tính được khoản chênh lệch thiếu hàng tồn kho của năm tài chính 2016 là 181.216.200.518 VND. Do vậy, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố bằng cách ghi giảm khoản mục "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" với số tiền là 749.820.961.044 VND và ghi tăng khoản mục "Lỗi lũy kế" tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với cùng số tiền nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU CỦA NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố nêu trên được trình bày như sau:

Khoản mục	Mã số	Số đầu năm (trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố	Số đầu năm (trình bày lại)
-----------	-------	-------------------------------------	------------------------------------	-------------------------------

VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a	(151.422.996.026)	(749.820.961.044)	(901.243.957.070)
Lỗi lũy kế năm nay	421b	(1.275.586.231.739)	749.820.961.044	(525.765.270.695)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	(1.804.698.545.467)	749.820.961.044	(1.054.877.584.423)
Lỗi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(953.201.943.731)	749.820.961.044	(203.380.982.687)
Lỗi thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(1.289.939.466.461)	749.820.961.044	(540.118.505.417)
Tổng lỗi kế toán trước thuế	50	(1.275.586.231.739)	749.820.961.044	(525.765.270.695)
Lỗi sau thuế TNDN	60	(1.275.586.231.739)	749.820.961.044	(525.765.270.695)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tổng lỗi kế toán trước thuế	01	(1.275.586.231.739)	749.820.961.044	(525.765.270.695)
Lỗi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.018.623.905.853)	749.820.961.044	(268.802.944.809)
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10	365.541.934.423	(749.820.961.044)	(384.279.026.621)

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2018/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc Công ty sẽ chuyển nhượng 5.268.000 cổ phần, tương đương 26,74% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia ("Phú Hữu Gia") và Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành Ea H'leo, công ty con của Công ty, sẽ chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, tương đương 15,23% tỷ lệ sở hữu trong Phú Hữu Gia, với giá chuyển nhượng không thấp hơn mệnh giá.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã nhận tạm ứng 10% giá trị chuyển nhượng từ bên nhận chuyển nhượng với tổng số tiền là 5.268.000.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.

Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập

Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng

Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018